

Giai đoạn III (cách đây khoảng 5 nghìn năm). Một loạt thay đổi quan trọng liên quan tới việc tổ chức xã hội và lối sống của các thành viên xã hội. Sự hình thành đô thị và lối sống đô thị làm thay đổi cơ cấu thức ăn, việc chuyên môn hóa lao động trở thành thông lệ. Tuy vậy sinh quyển và phần lớn các hệ sinh thái của con người đều ở trong trạng thái cân bằng động.

Giai đoạn IV : Tỉ lệ gia tăng mức sử dụng năng lượng không còn song song với tỉ lệ phát triển dân số. Mức tiêu thụ năng lượng tăng nhanh gấp đôi tỉ lệ tăng dân số các chu trình Sinh-Địa-Hóa ở nhiều vùng không còn nguyên vẹn nữa. Thế cân bằng đã bị phá vỡ ở nhiều nơi trên trái đất.

Để tồn tại, các dân tộc, các cộng đồng người phải vượt qua sự cản trở mà thiên nhiên gây ra. Song khác với loài vật, con người không thể thuần túy bằng bản năng vượt qua như các động vật khác, mà phải dùng những biện pháp kĩ thuật khác nhau để thích nghi, biến đổi tự nhiên, buộc nó không còn là thiên nhiên như cũ nữa, bắt nó phục vụ lại mình. Những biện pháp đó có thể gọi là : Chiến lược thích nghi. Chính kết quả hay hậu quả của chiến lược thích nghi này tác động không nhỏ tới việc hình thành những nét đặc thù của một bản sắc văn hóa, mô thức ứng xử của một tộc người. Sự khác nhau về văn hóa giữa các dân tộc hay các nhóm, cộng đồng người được quy định bởi nhiều yếu tố trong đó có nguyên nhân do con người là một sinh vật có tư duy, có ý thức, có ngôn ngữ và khả năng biểu tượng hóa, có mô hình hành động được lựa chọn (tương đối tự do) chứ không chỉ có mô hình hành động theo bản năng như phần lớn các động vật khác và do sự khác nhau về môi sinh. Chính từ sự khác nhau về môi sinh này đã giúp cho các nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam trong và ngoài nước khẳng định sự hiện hữu của một nền văn minh và văn hóa Việt Nam bên cạnh nền văn minh Hoàng Hà, văn hóa Trung Hoa. Bản sắc văn hóa của từng cộng đồng, từng dân tộc được khắc họa bởi những điều kiện lịch sử, xã hội và tâm lí dân tộc. Theo nghĩa rộng, văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người.

bao hàm cả kĩ thuật, kinh tế để từ đó hình thành một lối sống, một thể ứng xử, một thái độ tổng quát của con người đối với vũ trụ, thiên nhiên và xã hội, là vai trò của con người trong vũ trụ đó, với một hệ thống những chuẩn mực, những giá trị, những biểu tượng, những quan niệm ... tạo nên phong cách diễn tả tri thức và nghệ thuật của con người. Như vậy, thì phải xuất phát từ những điều kiện tự nhiên, rồi sau đó những điều kiện lịch sử để nhận nhìn về cội nguồn và bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong những điều kiện đó, văn hóa Việt Nam khác và không phải là bản sao của văn hóa Trung Quốc. Văn hóa Việt Nam, văn minh sông Hồng và văn hóa Trung Quốc khác nhau từ căn bản. Cội nguồn của văn hóa Việt Nam là những điều kiện của vùng nhiệt ẩm - gió mùa. Cội nguồn của văn hóa Trung Quốc lại là điều kiện của đại lục lạnh, khô, lượng mưa ít, lượng bốc hơi cao.

V - ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, HỆ SINH THÁI VIỆT NAM VỚI VẤN ĐỀ BẢN SẮC DÂN TỘC, BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM

Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á. Vùng Đông Nam châu Á này bao gồm miền chân núi Himalaya và Thiên Sơn. Các dòng sông lớn của khu vực đều bắt nguồn từ hai dãy núi này. Hạ lưu của các dòng sông ấy - Dương Tử, sông Hồng, Mê Công, Chaophaya... đều là những vùng đồng bằng màu mỡ, đầy phù sa. Đặc trưng tiêu biểu của vùng này, là sự chênh lệch khá lớn giữa bình nguyên và núi rừng, sự chênh lệch tương đối nhỏ giữa bình nguyên và mặt biển. Chính nét đặc trưng này cùng với điều kiện khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều và có gió mùa là cơ sở thuận lợi cho việc phát sinh nghề nông trồng lúa nước từ rất sớm với văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn.

Việt Nam "nằm giữa Đông Nam Á" (lục địa hải đảo) (Yves Lacoste) "là ngã tư đường của các cư dân và các nền văn minh" (Olov Janse). Việt Nam - Bán đảo Đông Dương là đầu cầu để

mở vào Đông Nam Á từ hướng Ấn Độ và Trung Quốc. Tình chất bản đảo rõ nét của Việt Nam thể hiện ở khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều và có hai mùa gió rõ rệt. Địa hình Việt Nam trải dài (khoảng 15 vĩ độ); núi rừng chiếm 2/3 diện tích, sông ngòi nhiều và phân bố đều khắp. Đồng bằng chỉ chiếm một tỉ lệ khiêm tốn (chưa đến 1/3 diện tích). Ngoài ra, bao quanh hướng Đông và Nam là bờ biển khoảng hơn 2000 km. Tây và Bắc bị chắn bởi núi rừng, trong đó quan trọng nhất là dãy núi Hoàng Liên Sơn và dãy núi Trường Sơn. Cũng vì vậy mà việc phân bố hệ thống động vật cũng như tập quán canh tác dân tộc Việt Nam là khá tiêu biểu và đặc thù. Ta có thể vạch ra phổ tự nhiên Việt Nam (hay hàng số tự nhiên Việt Nam) như sau :

Nhiệt - Ẩm - Gió mùa

Trong đó cân bằng bức xạ ở Việt Nam quanh năm dương, độ ẩm gần như thường xuyên 100%.

Đông Nam Á - Việt Nam được đặc trưng bởi hệ sinh thái phồn tạp (một trong hai loại hình hệ sinh thái tự nhiên của thế giới). Trong hệ sinh thái phồn tạp chỉ số đa dạng giữa số giống loài và số cá thể rất cao, thực vật phát triển hơn so với động vật (động vật dễ bị dịch bệnh do nhiệt ẩm gió mùa). Trong thời kinh tế thu lượm, hái lượm (phổ rộng) vượt trội hơn săn bắn (bắt) sử dụng dụng cụ thủy sản là chính. (Trong các di chỉ khảo cổ học chủ yếu là dấu tích quả, hạt cây và các động vật sống dưới nước như vỏ sò, vỏ ốc, xương cá... Xương động vật hiếm mà phần nhiều là động vật vừa và nhỏ). Thời kinh tế nông nghiệp trồng trọt (đa canh) vượt trội hơn chăn nuôi. Trong một hệ sinh thái phồn tạp lại có nhiều vùng sinh thái khác nhau. Theo GS. Đào Thế Tuấn, Việt Nam có 10 vùng : Đông Bắc Việt Nam, Tây Bắc Việt Nam, trung tâm Bắc Việt Nam (châu thổ sông Hồng), Bắc Trung Bộ Việt Nam (Thanh - Nghệ - Tĩnh), Trung Trung Bộ Việt Nam (Bình - Trị - Thiên), Nam Trung Bộ Việt Nam (Quảng Nam - Ninh Thuận - Bình Thuận), Bắc Tây Nguyên, Nam Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Còn theo GS. Mai Đình Yên có 19 vùng. Ví dụ

vùng đầm phá ven biển Trung Bộ, vùng hải đảo ven bờ, xa bờ, vùng núi, vùng đồi, vùng Hà Nội, vùng thành phố Hồ Chí Minh.

Từ góc độ địa lí - văn hóa, chúng ta có thể khái quát địa hình Việt Nam - dài Bắc - Nam, hẹp Tây - Đông ; đi từ Tây sang Đông có Núi - Đồi - Thung - Châu thổ - Ven biển - Biển và Hải đảo. Đi từ Bắc về Nam là các đèo cắt ngang Tây Đông.

Sự đa dạng của môi trường sinh thái, điều kiện tự nhiên là yếu tố góp phần tạo nên sự đa dạng văn hóa. Trong vô vàn yếu tố tác động đến cuộc sống hàng ngày từ góc độ tự nhiên, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước hầu như đều nêu bật hai tính trội của văn hóa Việt Nam truyền thống : sông nước và thực vật. Văn minh Việt Nam - nền văn minh thực vật (khái niệm của học giả Pháp P.Gourou) hay văn minh thôn dã, văn hóa lúa nước tính chất thực vật (mà cốt lõi là cây lúa) in dấu ấn đậm nét trong đời sống hàng ngày của con người Việt Nam như ở, đi lại, mặc và ăn. Bữa ăn (bữa cơm) được mô hình hóa Cơm - Rau - Cá cộng với không có thói quen ăn sữa và các sản phẩm từ sữa động vật, không có truyền thống chăn nuôi đại gia súc lấy thịt - chăn nuôi gắn với trồng trọt, phục vụ trồng trọt. Tính chất thực vật còn thể hiện rõ nét trong đời sống tâm linh mà điển hình là tục thờ cây. Môi trường sông - nước được coi là một yếu tố đặc biệt quan trọng khi xem xét về những vấn đề văn hóa, con người Việt Nam. Có thể nói đặc trưng nước chính là kết quả tổng thể của những đặc điểm về địa lí, địa hình cũng như khí hậu. Yếu tố nước mang tính chất phổ quát và đặc thù này đã tạo nên sắc thái riêng biệt trong tập quán kĩ thuật canh tác (đê, ao, kênh, rạch...), cư trú (làng ven sông, trên sông "vạn chài, từ chợ búa, bến" tới những đô thị ven sông, biển hay ngã ba, ngã tư sông...), ở (nhà sàn, nhà mái hình thuyền, nhà - ao, nhà thuyền...), ăn (cá nước ngọt, nước mặn, các loại nhuyễn thể...), tới tâm lí ứng xử (linh hoạt, mềm mại như nước - chữ dùng của GS. Cao Xuân Huy), sinh hoạt cộng đồng (đua thuyền, bơi

chải...), tín ngưỡng, tôn giáo (thờ cá, rắn, thủy thần...), phong tục tập quán, thành ngữ, tục ngữ, ca dao, nghệ thuật (chèo, tuồng, rối nước, hò, lí...) và truyền thống.

Bên cạnh những ưu đãi, thiên nhiên cũng đặt ra cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam với không ít khó khăn, thách thức bằng những tai biến bất ngờ, khí hậu thất thường, lũ lụt, bão tố, ẩm thấp gây vô vàn dịch bệnh cho người, cho động vật, mùa màng. Cuộc đấu tranh kiên cường, chống chọi hàng ngàn năm với những thử thách này của thiên nhiên đã hun đúc nên tính cách kiên cường, tinh thần cố kết cộng đồng của người Việt mà điển hình là quá trình chinh phục và khai phá châu thổ Bắc Bộ.

CÂU HỎI

1. Thế nào là môi trường tự nhiên ? Môi trường nhân tác/tạo. Đặc điểm hệ sinh thái Việt Nam.

2. Anh, chị hiểu thế nào về bản năng và biện pháp văn hóa xã hội để kiểm chế bản năng.

3. Quan hệ của con người Việt Nam với môi trường tự nhiên Việt Nam thể hiện những sắc thái gì trong nền văn hóa dân tộc.

BÀI 3

VĂN HÓA VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Con người là cá nhân không thể chia cắt được, đồng thời là sinh vật có tính xã hội cao nhất.

Con người không chỉ sống cùng, sống với tự nhiên mà còn phải sống cùng nhau, sống với nhau tạo thành những cộng đồng

xã hội. Con người không phải chỉ có những quan hệ với tự nhiên và thế giới các biểu tượng của tự nhiên. Giữa con người và con người nảy sinh những quan hệ ngày càng phức tạp. Loài người đã trải qua những hình thức tổ chức xã hội khác nhau, mà mức độ phức tạp của nó không thể biểu thị bằng một mũi tên thẳng đi lên. Khi nghiên cứu môi trường xã hội, chúng ta cần lưu ý các khái niệm sau :

Xã quyền : Toàn bộ các thể chế pháp lí, chính trị, kinh tế, xã hội và nghề nghiệp tạo nên xã hội loài người. Xã quyền sử dụng truyền bá công nghệ, chịu trách nhiệm về sự lựa chọn những hình thức phát triển thông qua việc quốc' tế hóa kinh tế và thương mại để dần dần áp đặt một hệ thống quản lí toàn cầu.

Nhân tác quyền : Các vấn đề được quyết định thế nào trong xã quyền ? Đây là một lĩnh vực mơ hồ hơn, kín đáo hơn, không phải bao giờ cũng có thể phân tích duy lí và thuộc về một quyền khác nữa, tức thế giới các ý tưởng mà ta có thể gọi là nhân tác quyền' hay còn gọi là quyền tinh thần. Từ nhân tác quyền sinh ra các nền văn hóa, tôn giáo, các nền văn minh.

Chính ở mức độ này hình thành một cách bí hiểm về nhận thức các tập tính của chúng ta, các khát vọng của chúng ta với môi trường và phát triển sinh thái học văn hóa, nghiên cứu mối tương tác, nhịp điệu giữa môi trường - con người - văn hóa.

Con người không chỉ sống trong môi trường sinh thái mà còn sống cả trong một môi trường khác. Một môi trường đã được hình thành từ ngàn xưa, đó là môi trường văn hóa mà người ta còn gọi là sinh thái văn hóa.

Môi trường văn hóa : Văn hóa một khi đã hình thành, cũng là môi trường sống của con người. Nếu môi trường tự nhiên và môi trường xã hội là điều kiện sự hình thành và phát triển của môi trường văn hóa thì ngược lại môi trường văn hóa mỗi khi đã xuất hiện lại góp phần rất lớn trong việc tạo ra thế ứng xử và lối ứng xử của con người trong việc không ngừng cải thiện môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Môi trường văn hóa quen thuộc của một cộng đồng người, bao giờ cũng gắn với các truyền thống đã có ý nghĩa trường tồn của một cộng đồng ấy và với hệ thống các giá trị được toàn thể cộng đồng công nhận.

1 - XÃ HỘI : TỔ CHỨC CÁC QUAN HỆ NGƯỜI - NGƯỜI

Xã hội là toàn bộ những nhóm người, những tập đoàn, những lĩnh vực hoạt động, những yếu tố hợp thành một tổ chức được điều khiển bằng những thể chế nhất định. Theo C.Mác, trong tính hiện thực của nó, con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Xã hội được hiểu như những cơ cấu và những chức năng. Cơ cấu thể hiện các tương quan giữa các thành phần tạo nên xã hội, những tầng lớp, những giai cấp, những nhóm người. Chức năng thể hiện các hoạt động đáp ứng nhu cầu của xã hội, các hoạt động ấy nằm trong một hệ thống. Xã hội thay đổi - thay đổi về cơ cấu và chức năng.⁽¹⁾

Có thể lấy ví dụ về cơ cấu và chức năng của gia đình : Quan niệm chung được nhiều người nghiên cứu đồng tình : Gia đình là tế bào của xã hội. Thực ra, gia đình cũng đã là xã hội, một xã hội thu nhỏ mà quan hệ người - người trong đó dựa trên một loạt những nguyên tắc tình cảm, dòng máu, luân lí, đạo đức, kinh tế... Mỗi quan hệ người - người trong gia đình cũng có sự thay đổi theo thời gian, phụ thuộc vào các hình thức hôn nhân cụ thể.

Trong xã hội loài người, các huyền thoại sáng thế luận và tôn giáo khác nhau đều giống nhau ở chỗ sáng tạo ra một cặp nam - nữ đầu tiên ở buổi sơ khai của loài người. Một người đàn ông, một người đàn bà và con cái tạo nên hình ảnh gia đình. Tuy vậy, trở ngược dòng lịch sử ta thấy có những cấu

(1) Phạm Bích Hợp. *Tâm lí dân tộc, tính cách và bản sắc*. Nxb TP.Hồ Chí Minh, 1993, tr.110.

trúc gia đình rộng lớn hơn, phức tạp hơn có thể gọi là "gia đình mở rộng", như bảy, thị tộc, tông tộc... Theo nghĩa rộng nhất, gia đình là cội nguồn và chốn nương náu của mỗi người, một thiết chế có lệ luật và tôn ti trật tự. Từ bao đời nay, chính gia đình đã tạo nên mối liên hệ xã hội bền vững nhất, nơi duy trì và lưu truyền những nét đặc trưng của văn hóa dân tộc, truyền thống gia đình, truyền thống dòng họ và sự *di truyền văn hóa*.

Mối liên hệ gia đình ở nhiều nước trong xã hội ngày nay có khuynh hướng lỏng lẻo và hiện có nhiều đổi thay. Gia đình bị thu hẹp dần và thay đổi tính chất. Gia đình hạt nhân với tư cách là đơn vị sản xuất dần thay thế bằng một mô hình khác. Trong xã hội xuất hiện những gia đình "thiếu", hoặc chỉ có mẹ, hoặc chỉ có cha. Giai đoạn hiện đại có xu hướng dung hoà mối quan hệ giữa gia đình và tự do cá nhân.

Cơ cấu và chức năng của gia đình cũng phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể của từng dân tộc, từng cộng đồng người. Ví dụ gia đình của một số dân tộc Đông Á có nền chung là Nho giáo.

Gia đình cổ truyền của người Hoa là một thể chế xã hội, chính trị, là hình thức gia đình lớn "tứ đại, ngũ đại đồng đường" và sự phục tùng tuyệt đối của người phụ nữ đối với đàn ông "tam tòng, tứ đức".

Gia đình (gia tộc) người Nhật cổ truyền lại là một thể chế xã hội kinh tế hơn là một cộng đồng về huyết thống, nói khác đi, đó là một đơn vị kinh doanh⁽¹⁾. Gia đình cổ truyền của người Việt đa số là gia đình hạt nhân, người phụ nữ có vai trò quan trọng.⁽²⁾

(1) Dẫn theo Phạm Bích Hợp. Sđd, tr. 85.

(2) Nguyễn Tử Chi : *Nhận xét bước đầu về gia đình của người Việt*. In trong cuốn *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*. Sđd, tr. 525-544

II - CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

Xã hội Việt Nam trong hàng ngàn năm là một xã hội nông nghiệp, nền văn hóa của nó cũng là nền văn hóa nông nghiệp. Trong xã hội ấy, gia đình, họ hàng và cùng với gia đình họ hàng là làng mạc tạo thành đơn vị xã hội cơ sở. Điều này ấn định một nguyên tắc ngàn năm gần như bất di, bất dịch - các giá trị gia đình và cộng đồng được đặt trên các giá trị cá nhân. Cá nhân bị hoà tan trong cộng đồng, tách riêng ra, cá nhân không có may mắn ý nghĩa.

"Ở xã hội ta, cá nhân chìm đắm ở trong gia tộc cho nên nhất thiết những luân lý đạo đức, chế độ văn vật, chính trị pháp luật, đều lấy gia tộc chủ nghĩa làm gốc."⁽¹⁾

Giữa phương Đông (bao gồm cả Việt Nam) và phương Tây có sự khác biệt về cách nhìn nhận vai trò của cá nhân trong xã hội. Phương Đông coi trọng vai trò của cộng đồng, phương Tây coi trọng vai trò cá nhân.

Có ba nguyên lý cơ bản tập hợp con người thành xã hội, khiến con người trở thành sinh vật xã hội⁽²⁾. Nguyên lý cùng cội nguồn hay nguyên lý cùng dòng máu : Đây là "cương lĩnh tự nhiên" của loài người, là nguyên lý tiên nghiệm xuất hiện ngay từ buổi đầu của lịch sử loài người. Có thể gọi nguyên lý cùng dòng máu trong lịch sử loài người là một nguyên lý liên đại hay đó là một hằng số của văn hóa dân gian. Nguyên lý này, với thời gian, được mở rộng từ phạm vi gia đình, gia tộc ra phạm vi tộc người và thậm chí trong trường hợp ở Việt Nam, ra cả phạm vi quốc gia-dân tộc. Nguyên lý cùng chỗ : hay trong văn hóa Việt Nam người ta thường gọi là quan hệ hàng xóm láng giềng. Nguyên lý này đóng vai trò quan trọng từ thời đại đá mới hay thời Cách mạng nông nghiệp (cách đây

(1) Đào Duy Anh : *Việt Nam văn hóa sử cương*, tái bản, Nxb TP.Hồ Chí Minh, 1992, tr. 359.

(2) Trần Quốc Vương chủ biên : *Tìm hiểu di sản văn hóa dân gian Hà Nội*, Nxb Hà Nội, 1994, tr.133 - 134.

khoảng 10.000 năm), khi con người có nhu cầu sống định cư và chuyên môn hóa lao động. Trong văn hóa cổ truyền Việt Nam, cùng với nguyên lý cùng cội nguồn, nguyên lý cùng chỗ là hai nguyên lý nền tảng của các quan hệ xã hội, các tổ chức xã hội mà ta có thể gắn với gia đình (gia tộc) và làng xóm.

Nguyên lý cùng lợi ích : đây là nguyên lý của các quan hệ tầng lớp, giai cấp, nghề nghiệp, giới tính...

III - SỰ XÃ HỘI HÓA CÁ NHÂN VÀ SỰ NHẬP THÂN VĂN HÓA

Con người - sinh vật xã hội ngoài di truyền sinh học (như mọi loài của thế giới sinh vật) còn thừa hưởng một loại di truyền khác - đó là di truyền văn hóa thông qua giáo dục (giáo dục hiểu theo nghĩa rộng là sự truyền đạt văn hóa ngoài nhà trường và trong nhà trường). Trong trường hợp này, gia đình là môi trường văn hóa đầu tiên để cá thể người tiếp nhận văn hóa của cộng đồng. Con người nhập thân văn hóa trước hết ngay từ khi còn trong bào thai mẹ. Ở Việt Nam việc giáo dục con trẻ từ trong trứng nước là di truyền truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp. Những điều kiêng cử, cấm kỵ đối với phụ nữ mang thai đều nhằm mục đích tạo cho đứa trẻ một môi trường văn hóa lành mạnh và trong sáng. Ngay từ thế kỉ XVI ở Việt Nam đã có sách về Thai giáo (của bà ngoại chúa Trịnh Tráng).

Đứa trẻ vừa sinh ra đã được sống và cảm thụ, hội nhập văn hóa trước hết là ở gia đình, rồi sau đó ở gia đình mở rộng, làng xóm... Việt Nam có câu "Cha mẹ sinh con, trời sinh tính". "Tính" có mặt bẩm sinh. Tính cách con người được hình thành rất sớm. Vì vậy tổ tiên ông bà người Việt rất coi trọng việc giáo dục văn hóa. "Dạy con từ thuở còn thơ". Gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và trong việc truyền đạt các giá trị văn hóa : "Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà".

Như vậy bối cảnh môi sinh gia đình - tộc họ - xóm làng là nơi con người nhập thân văn hóa xã hội hóa cá nhân đầu tiên.